

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 69/2019/DS-PT

Ngày 30/10/2019

V/v: “*Tranh chấp quyền sở hữu
tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng
chuyển nhượng đất trồng rừng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Liên.

Ông Nguyễn Hữu Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 38/2019/DS-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất trồng rừng*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Phú Đức, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Bá Hạnh, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Lộc Thượng I, xã Quế Long, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đức Th**, sinh năm 1954; địa chỉ thôn Trường Cửu 2, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Kế Hiền, Công ty Luật TNHH Bảo Tín thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 4, số 49, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh; địa chỉ: Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Phước, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ích Phúc, Phó Giám đốc (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 03-11-2018).

3.2. Ủy ban nhân dân xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Bình, Chủ tịch.

3.3. Bà Lê Thị A, sinh năm 1952.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Trần Văn L, sinh năm 1950 (Văn bản ủy quyền lập ngày 22-7-2013).

Cùng địa chỉ: Thôn Phú Đức, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

3.4. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1959.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Thôn Trường Cửu 2, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đức Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị A trình bày:

Năm 2002, vợ chồng ông Th có rủ vợ chồng ông L cùng thực hiện việc trồng rừng tại khu vực Hồ Cây Sỏ, xã Tam Trà, huyện Núi Thành. Các bên thỏa thuận vợ chồng ông L bỏ toàn bộ vốn đầu tư để trồng rừng còn vợ chồng ông Th làm thủ tục nhận đất dự án với Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh. Sau khi bàn bạc thống nhất, ông Th đến ký hợp đồng giao khoán nhận rừng trồng theo Dự án 661 với Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh. Trong năm 2002 vợ chồng ông L và vợ chồng ông Th đã thực hiện việc trồng rừng theo thỏa thuận. Qua đầu năm 2003, ông L tiếp tục thuê người trồng dặm keo trên diện tích đã trồng vào năm 2002, đồng thời liên tục yêu cầu vợ chồng ông Th thanh toán chi phí đã thực hiện trồng rừng nhưng ông Th không thanh toán. Do vợ chồng ông Th không có tiền thanh toán cho ông L nên giao hết toàn bộ keo và diện tích đất đã trồng cho vợ chồng ông L quản lý, chăm sóc. Sau này, ông L được biết năm 2003 ông Th đã đến Ban Quản lý dự án trồng rừng nhận tiền trồng rừng nên tiếp tục hỏi thúc ông Th phải thanh toán chi phí trồng rừng, nhưng vợ chồng ông Th không thanh toán. Ông Th đã giao toàn bộ keo và đất cho ông L, nhưng không có giấy tờ thể hiện nên ông L liên tục yêu cầu ông Th phải thanh toán nên ngày 17 tháng 01 năm 2005 ông Th đã làm giấy chuyển nhượng giao hết toàn bộ keo đã trồng trên diện tích đất khoảng 10ha cho vợ chồng ông L còn vợ chồng ông Th không liên quan đến nữa. Vợ chồng ông L đã quản lý, chăm sóc và bảo vệ

toàn bộ keo trồng trên đất từ đó đến nay không phát sinh tranh chấp với chủ sử dụng đất liền kề.

Năm 2007, ông Th lên khai thác keo đã giao cho ông L thì bị ông L ngăn cản nên ông Th không khai thác được. Sau đó, ông Th đưa cây lên trồng trên đất đã giao cho ông L nên qua năm 2008 bị ông L nhổ hết. Ông Th tố cáo ông L hủy hoại tài sản thì trong quá trình Công an huyện Núi Thành điều tra ông L mới biết năm 2002 Ban Quản lý dự án trồng rừng thiết kế 03 lô là lô 14 giao cho ông Hồng, lô 15 giao cho ông Th và lô 16 giao cho ông Nghĩa với diện tích 13,3ha. Sau đó, ông Hồng và ông Nghĩa không làm mà giao cho ông Th và ông Th cùng với ông L thực hiện việc trồng rừng. Tuy nhiên khi trồng rừng thì phát dọn đến đâu trồng đến đó và diện tích trồng khoảng 10ha không phân lô, không xác định ranh giới từng lô. Hơn nữa từ năm 2002 toàn bộ keo và đất vợ chồng ông L vẫn quản lý, chăm sóc và bảo vệ, hiện trạng không thay đổi thì không thể có diện tích 13,3ha được. Sau đó, Cơ quan điều tra kết luận thực tế là lô 14 không phải do ông L và ông Th trồng mà trước đó đã do một số người dân xã Tam Trà trồng, tức là theo thiết kế thì có lô 14 nhưng trên thực tế thì không có. Sau đó ông L khiếu nại lên Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam là cơ quan chủ quản của Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh để yêu cầu giải quyết thì năm 2012 Chi cục kiểm lâm cũng kết luận là lô 14 không có nhưng vẫn nghiệm thu là không đúng nhưng việc tranh chấp cây trồng trên đất giữa ông L và ông Th không thuộc thẩm quyền giải quyết, nên hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án.

Theo thiết kế trồng rừng trên hồ sơ thì có 03 lô là lô 14, lô 15 và lô 16 nhưng diện tích ông Th và ông L trên thực tế vẫn theo như hiện trạng hiện nay đã được thẩm định là 90.808m² vì diện tích này từ khi trồng rừng đến nay do ông L quản lý, trên đất còn có keo cũ và không phát sinh tranh chấp với chủ sử dụng đất liền kề. Mặt khác thời điểm trồng rừng không cắm mốc để xác định vị trí, ranh giới từng lô mà phát dọn đến đâu thì trồng đến đó nên năm 2005 khi làm giấy chuyển nhượng thì ông Th và ông L xác định toàn bộ diện tích đã trồng khoảng 10ha chứ không xác định diện tích của từng lô. Ông Th và ông L chỉ trồng chung diện tích này và từ trước đến nay hiện trạng không thay đổi vì xung quanh đã có rừng của những người khác từ trước. Từ năm 2002 đến nay cũng không phát sinh tranh chấp với những chủ rừng liền kề.

Toàn bộ 2.721 cây keo mangium do vợ chồng ông L đầu tư trồng, quản lý, chăm sóc và bảo vệ từ năm 2002 đến nay. Còn diện tích đất 90.808m² trước đây Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh quản lý thực hiện dự án trồng rừng 661, sau này dự án không Th thì đất vẫn do Nhà nước quản lý chưa cấp cho ai. Trên thực tế và theo ý kiến của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh thì sau khi nghiệm thu rừng năm 2003, Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh có ký hợp đồng chăm sóc bảo vệ rừng với ông Th những năm tiếp theo nhưng ông Th không thực hiện. Vì vậy theo hồ sơ và thực tế thì ông Th đã từ bỏ và không còn quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng mà chính vợ chồng ông L đã quản lý, chăm sóc bảo vệ rừng từ đó đến nay. Cho dù đất thuộc quyền sử dụng của ai hay do Nhà nước quản lý đi nữa thì keo trồng trên đất cũng là của vợ chồng ông L. Khi vợ

chồng ông L khai thác keo thì ông Th đã ngăn cản, vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho vợ chồng ông L được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium trên diện tích đất 90.808m² theo trích đo kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Theo văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức Th, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị X trình bày: Năm 2002, ông Th và ông L bàn bạc thống nhất việc nhận rừng Dự án 661 để trồng rừng. Theo thỏa thuận thì vợ chồng ông L đầu tư toàn bộ chi phí trồng rừng còn ông Th thực hiện thủ tục nhận khoán rừng với Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh. Sau đó, Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh thiết kế giao cho ông Hồng lô 14, giao cho ông Th lô 15 và giao cho ông Nghĩa lô 16 nhưng sau đó ông Nghĩa và ông Hồng giao lại cho ông Th. Sau khi nhận dự án thì ông Th và ông L cùng trồng rừng trên diện tích đất này. Toàn bộ chi phí trồng rừng do ông L đầu tư nhưng trồng xong thì nghiệm thu chỉ đạt lô 14 và lô 15 còn lô 16 không nghiệm thu. Sau đó, ông L liên tục hỏi thúc ông Th phải thanh toán chi phí trồng rừng nhưng ông Th chưa thanh toán được và do điều kiện gia đình không có nhân công để tiếp tục thực hiện trồng rừng nên ông Th đã chuyển nhượng hết toàn bộ keo đã trồng và giao hết diện tích đất mà dự án đã giao cho ông Th gồm lô 14 và lô 15 sang cho ông L sau khi nghiệm thu vào năm 2002;

Diện tích lô 16 không nghiệm thu được nên năm 2003 Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh quy hoạch lại thành lô số 18 giao cho ông Th trồng rừng. Do trời mưa nước lớn xe không chở keo vào được nên ông Th tự mua keo vào ươm và trồng trên diện tích đất lô 18 này, nhưng trồng chết hết nên không nghiệm thu được. Năm 2007, ông Th làm đơn xin khai thác keo cũ đã trồng không nghiệm thu được vào năm 2003 ở lô 18 thì Ủy ban nhân dân xã Tam Trà không cho và ông L tranh chấp cho rằng toàn bộ cây này nằm trên diện tích đất ông Th đã giao qua cho ông L theo giấy chuyển nhượng vào năm 2005. Do không được khai thác nên ông Th phát dọn và trồng dặm thêm trên diện tích lô 18. Sau khi ông Th trồng keo trên diện tích này xong thì sang năm 2008 ông L lên nhổ nên ông Th báo Công an giải quyết nhưng Công an không khởi tố hình sự ông L. Sau đó, ông Th khởi kiện yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại do nhổ keo của ông Th và Tòa án đã buộc ông L phải bồi thường cho ông Th. Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận toàn bộ 2.721 cây keo mangium trên diện tích đất 90.808m² theo trích đo kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 02 tháng 10 năm 2017 là của ông L thì ông Th không đồng ý vì toàn bộ keo trên diện tích đất này do ông Th nhận và trồng theo dự án năm 2002 và năm 2003, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng 10ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L vào ngày 17 tháng 01 năm 2005 và buộc ông L phải trả lại diện tích đất này cho ông Th quản lý, sử dụng;

- Công nhận cho vợ chồng ông Th được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium trên diện tích đất 90.808m² theo biên bản xem xét thẩm định ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh:

Vào năm 2002, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh có thiết kế trồng rừng theo dự án 661 trồng keo mangium và sao đen với tổng số 16 lô diện tích khác nhau và chỉ giao cho mỗi người nhận 01 lô. Ông Th nhận lô 15 diện tích theo thiết kế là 4,8ha; ông Hồng nhận lô 14 diện tích theo thiết kế là 4,4ha; ông Nghĩa nhận lô 16 diện tích theo thiết kế là 4,1ha. Việc giao nhận được thực hiện theo hợp đồng giao khoán giữa Ban quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh với người nhận khoán. Sau đó cán bộ kỹ thuật bàn giao diện tích trên thực tế cho người nhận khoán để thực hiện. Người nhận khoán phát dọn thực bì, đào hố và Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh cấp cây cho người nhận khoán trồng. Ông Hồng và ông Nghĩa không thực hiện mà giao lại cho ông Th thực hiện. Sau khi trồng rừng xong thì cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra và 01 tháng sau thì sẽ có đoàn nghiệm thu đến nghiệm thu việc trồng rừng. Theo như hồ sơ thì lô 14 trồng được 3ha và lô 15 trồng được 4ha nên được nghiệm thu và thanh toán tiền cho ông Th còn lô 16 không đạt nên không được nghiệm thu. Sang năm 2003, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh thiết kế trồng rừng lại và lô 16 được thiết kế thành lô 18 giao cho ông Th thực hiện việc trồng rừng nhưng lô 18 này cũng không trồng nên không được nghiệm thu.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh chỉ thực hiện việc giao khoán với người được giao khoán trồng rừng còn quá trình thực hiện người nhận khoán thỏa thuận, bàn bạc với ai để thực hiện thì Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không nắm được. Khi trồng rừng xong thì sẽ nghiệm thu, nếu đạt thì thanh toán tiền cho người nhận khoán còn không đạt thì không thanh toán. Vì vậy việc ông Th và ông L thỏa thuận việc cùng nhau trồng rừng cụ thể như thế nào thì Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không nắm được.

Năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2007 phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng ở tỉnh Quảng Nam thì diện tích đất rừng lô 14, 15 và 16 (lô 18 mới năm 2003) không còn nằm trong diện tích rừng phòng hộ mà thuộc về diện tích rừng sản xuất thuộc Ủy ban nhân dân xã Tam Trà quản lý còn Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không còn quản lý các diện tích đất này nữa. Tuy nhiên, khi triển khai Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND thì Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không thực hiện bàn giao chi tiết đối với các diện tích đất này và cây trồng trên đất cho Ủy ban nhân dân xã Tam Trà.

Theo như kết quả thẩm định của Tòa án thì hiện tại trên đất có 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm các bên đang tranh chấp, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh có ý kiến như sau: Theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2007 thì từ năm 2007 đến nay, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh đã không còn quản lý các diện tích đất này và keo trồng trên đất nên cũng không xác định được 2.721 cây keo mangium là keo trồng của dự án hay là keo do người khác trồng. Kể từ thời điểm năm 2007 đến nay toàn bộ keo trên đất không còn thuộc sở hữu, quản lý của Ban, nếu muốn

xác định của ai thì đề nghị xem xét quá trình trồng, chăm sóc, quản lý và lời khai của những người dân làm rừng ở đó để xác định quyền sở hữu của ông L hay ông Th.

Diện tích đất 90.808m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành chính là diện tích đất nằm trong diện tích lô 14, lô 15 và 16 (lô 18 năm 2003) theo thiết kế trồng rừng năm 2002 và 2003. Nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích giữa kết quả thẩm định với thiết kế trồng rừng của dự án là do các hộ nhận khoán trồng rừng thực hiện không hết diện tích theo thiết kế được duyệt. Mặt khác việc chăm sóc rừng trồng sau khi nghiệm thu bên nhận khoán thực hiện không đạt hoặc không thực hiện và không được nghiệm thu dẫn đến cây trồng không được chăm sóc, một số cây chết, kém chất lượng không được trồng dặm nên ảnh hưởng đến diện tích thành rừng. Diện tích đất theo thẩm định nằm trong diện tích 03 lô theo thiết kế trồng rừng năm 2002, nhưng Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không xác định chính xác được vị trí và diện tích từng lô một. Keo trồng trên đất hiện nay Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không còn quản lý nên không có ý kiến gì và không tranh chấp quyền sở hữu số keo trồng này. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Tam Trà trình bày: Theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2007 thì từ năm 2007 đến nay cây trồng ông L và ông Th đang tranh chấp nằm trên diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Tam Trà quản lý. Tuy nhiên, diện tích đất và cây trồng trên đất nguồn gốc là thực hiện theo Dự án 661 vào năm 2002 do Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh triển khai. Về mặt chủ trương thì đất đã giao về cho Ủy ban nhân dân xã Tam Trà quản lý nhưng Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không thực hiện việc bàn giao chi tiết, cụ thể diện tích đất này và tài sản trên đất cho Ủy ban nhân dân xã Tam Trà. Vì vậy, hiện tại Ủy ban nhân dân xã Tam Trà chỉ quản lý hiện trạng diện tích đất 90.808m² còn keo trồng trên đất ông L và ông Th đang tranh chấp thì không quản lý và không xác định được ông L hay ông Th là chủ sở hữu của số keo này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 164; Điều 165; khoản 2 Điều 168; khoản 1, 2 Điều 169; Điều 233; Điều 255; Điều 256; Điều 501; Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L: Công nhận cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị A được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m² tại khu vực Hố Cây Sỏ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (vị trí, hiện trạng có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

- Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về yêu cầu Tòa án “Hủy hợp đồng chuyển nhượng 10ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L vào ngày 17 tháng 11 năm 2005 và buộc ông L trả lại đất cho ông Th tiếp tục sử dụng”.

- Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Th và bà Xuân được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m² tại khu vực Hồ Cây Sỏ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-6-2019, bị đơn ông Nguyễn Đức Th kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không rút yêu cầu phản tố, rút một phần nội dung kháng cáo, và yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa, quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xem xét, quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe trình bày nội dung kháng cáo của người kháng cáo, ý kiến của những người liên quan đến nội dung kháng cáo; căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quyền kháng cáo của đương sự: Ngày 29-5-2019 Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*” giữa nguyên đơn ông Trần Văn L và bị đơn ông Nguyễn Đức Th. Ngày 03-6-2019, bị đơn ông Nguyễn Đức Th kháng cáo là đúng thời hạn luật định.

[2] Xét nguồn gốc, quá trình hình thành và quản lý tài sản tranh chấp:

Xét thấy, năm 2002, 2003 Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh có giao khoán cho hộ ông Th một thửa đất để trồng rừng là có thật. Ngày 17-01-2005 ông Th có làm giấy chuyển nhượng cho vợ chồng ông L 10ha rừng trồng của dự án 661 mà không có sự đồng ý của Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú

Ninh. Cụ thể, theo nội dung Công văn số 55/BQL-KHKT ngày 24-8-2017, Công văn số 11/BQL-KHKT ngày 12-3-2018 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh thể hiện: Năm 2002, Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh có giao cho ông Nguyễn Đức Th trồng rừng lô số 15 diện tích 4,8ha; giao cho ông Nguyễn Đức Hồng (là em ruột ông Th) trồng rừng lô số 14 diện tích 4,4ha và giao cho ông Nguyễn Văn Nghĩa trồng rừng lô số 16 diện tích 4,1ha. Sau đó, ông Nghĩa và ông Hồng giao lại các phần diện tích này cho ông Th thực hiện nhưng không có sự thống nhất của Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh. Sau đó, vợ chồng ông L và vợ chồng ông Th thực hiện trồng rừng vào năm 2002 và đến ngày 05 tháng 3 năm 2003 thì nghiệm thu việc trồng rừng kết quả lô 14 trồng được 3ha, lô 15 trồng được 4ha còn lô 16 không trồng nên không nghiệm thu. Diện tích lô 16 theo thiết kế năm 2002 tiếp tục được thiết kế thành lô 18 vào ngày 25 tháng 8 năm 2003 giao cho ông Th thực hiện trồng rừng năm 2003 nhưng không trồng nên không nghiệm thu. Tháng 5 năm 2003, ông Th đến Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh nhận tiền trồng rừng các lô 14 và 15. Sau khi nghiệm thu kết quả trồng rừng, Ban Quản lý dự án trồng rừng Phú Ninh có ký hợp đồng chăm sóc rừng với ông Th nhưng ông Th không thực hiện việc chăm sóc rừng vào năm 2003 (năm thứ nhất) và các năm tiếp theo. Ngày 17-01-2005, ông Nguyễn Đức Th làm giấy chuyển nhượng toàn bộ keo trồng và diện tích 10ha cho ông L và bà A trọn quyền quản lý, sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th và ông L cũng thống nhất, sau khi ông Th thực hiện thủ tục nhận khoán rừng với Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh để trồng rừng ở các lô 14, 15, 16 thì vợ chồng ông L bỏ toàn bộ vốn để thực hiện việc trồng rừng. Tháng 5 năm 2003, ông Th đến Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh nhận tiền trồng rừng lô 14 và lô 15. Ngày 17-01-2005, ông Nguyễn Đức Th làm giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích 10ha cho ông L và bà A trọn quyền quản lý, sử dụng.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xác định diện tích đất có keo đang tranh chấp là 90.808m². Trên diện tích đất này có 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm. Theo Công văn số 21/BQL-KHKT ngày 27-3-2019 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh thì nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích giữa kết quả thẩm định với thiết kế trồng rừng của dự án là do các hộ nhận khoán trồng rừng thực hiện không hết diện tích theo thiết kế được duyệt, diện tích đất theo thẩm định nằm trong diện tích 03 lô theo thiết kế trồng rừng năm 2002 nhưng Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh không xác định chính xác được vị trí từng lô một. Theo lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Hồng Tuyên, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Kim Trường thì toàn bộ diện tích đất có keo hiện tại đang tranh chấp từ trước đến nay vẫn y nguyên, vị trí, diện tích không hề thay đổi, có ranh giới rõ ràng với rừng xung quanh, quá trình trồng keo và quản lý của ông L và những hộ liền kề trước nay không xảy ra tranh chấp.

Do đó, đủ cơ sở kết luận toàn bộ tài sản tranh chấp 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trước đây được giao khoán theo dự án

trồng rừng 661 là ở các lô 14, 15, 16 (nay là lô 18) và thực tế được trồng trên diện tích đất 90.808m² có vị trí phía Bắc giáp sông Mùì, phía Nam giáp đất của ông Trung và ông Dung, phía Tây giáp đất ông Trung và ông Nhiều, phía Đông giáp đất của ông Tuyên và ông Trường.

[3] Xét quyền sở hữu số cây keo mangium, nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đức Th rút một phần nội dung kháng cáo về yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản, chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và công nhận quyền sở hữu đối với 963 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm được trồng trên lô 18 diện tích đất 32.114m².

Ông Th, ông L đều thừa nhận có việc vào năm 2003, ông Th nhận tiền trồng rừng dự án ở lô 14, 15 nhưng không thanh toán lại chi phí trồng rừng cho ông L và không có điều kiện tiếp tục việc trồng rừng nên giao hết toàn bộ diện tích đất và keo trồng trên đất cho ông L quản lý, sử dụng và đến năm 2005 thì làm giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất đã làm chung cho ông L quản lý, sử dụng. Đối chiếu với ý kiến của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh tại Công văn số 11/BQL-KHKT ngày 12-3-2018 thì sau khi nghiệm thu trồng rừng Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh có ký hợp đồng chăm sóc rừng với ông Th nhưng ông Th không thực hiện việc chăm sóc rừng vào năm 2003 (năm thứ nhất) và các năm tiếp theo. Đồng thời theo lời trình bày của ông Trường, ông Tuyên, ông Trung là những người sử dụng đất liền kề khẳng định sau khi ông Th chuyển nhượng cây và việc sử dụng đất cho ông L thì ông L là người quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng từ đó đến nay.

Ông Th có khai năm 2007 ông có phát dọn và trồng dặm trên diện tích lô 18, sau khi ông Th trồng keo trên diện tích này xong thì sang năm 2008 ông L nhổ toàn bộ cây của ông Th, ông Th đã khởi kiện yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại do nhổ keo của ông Th và Tòa án đã buộc ông L phải bồi thường cho ông Th.

Như vậy, mặc dù toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm có nguồn gốc trồng trên diện tích đất 90.808m² của dự án trồng rừng 661, nhưng thực tế vợ chồng ông L, bà A đầu tư toàn bộ chi phí để trồng, quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2002 đến nay. Ông Th, ông Hồng, ông Nghĩa đứng tên trên hồ sơ của dự án trồng rừng 661 nhưng không trực tiếp trồng, quản lý, chăm sóc rừng trồng từ năm 2002 đến nay. Qua xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sở hữu đối với 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m², là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Đức Th về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và hủy hợp đồng chuyển nhượng 10ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L lập ngày 17 tháng 01 năm 2005, buộc ông L trả lại đất cho ông Th tiếp tục quản lý, sử dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo trình bày của Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Trà thì theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2007 từ năm 2007 đến nay cây trồng ông L và ông Th đang tranh chấp nằm trên diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Tam Trà quản lý. Ông Th và ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có quyền chuyển nhượng. Tại Giấy chuyển nhượng này có thể hiện các nội dung như sau: Tôi tên Nguyễn Đức Th, nguyên tôi có làm chung với anh Trần Văn L tại Hố Cây Sồ diện tích 10ha trong dự án 661, nay điều kiện gia đình tôi không có điều kiện để làm (không có lao động), nay tôi làm giấy này chuyển nhượng số diện tích trên lại cho vợ chồng anh chị trọn quyền quản lý số diện tích trên; việc chung vốn đầu tư anh chị nhận số diện tích trên chịu thanh toán hoàn vốn đầu tư + lãi suất; thời gian làm giấy này trở lên quyền sở hữu thuộc về anh Trần Văn L + chị Lê Thị A. Và giấy chuyển nhượng này có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tam Trà. Qua nội dung thỏa thuận của ông Th và vợ chồng ông L tại giấy này, cùng với thực tế quá trình đầu tư, trồng cây, quản lý, có thể khẳng định thực chất đây là thỏa thuận về việc ông Th chuyển toàn bộ keo đã trồng trên đất cho vợ chồng ông L và bà A sở hữu. Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Trà không có tranh chấp quyền sở hữu keo trồng trên đất và cũng không cho rằng việc thỏa thuận này là trái pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu “Hủy hợp đồng chuyển nhượng diện tích 10ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L lập ngày 17 tháng 01 năm 2005 và buộc ông L trả lại đất cho ông Th tiếp tục sử dụng”, là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Ngày 15-7-2019, ông Nguyễn Đức Th đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp”. Ngày 16-7-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT với nội dung “Cấm ông Trần Văn L, sinh năm 1950 và bà Lê Thị A, sinh năm 1952, cùng địa chỉ thôn Phú Đức, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam khai thác 2.721 cây keo mangium tại các lô 14, 15, 16 cũ (lô 18 mới) tại khu vực Hố Cây Sồ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”. Quá trình thi hành Quyết định số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành đã xác minh hiện trạng tài sản tranh chấp vào ngày 19-7-2019 thể hiện: Số lượng keo ông Trần Văn L và bà Lê Thị A đã khai thác ước tính khoảng 300 (Ba trăm) cây, trên diện tích khoảng 1,6ha trong tổng số 2.721 cây keo theo Quyết định số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và tại phiên tòa hôm nay, ông Th và ông L đều thống nhất yêu cầu Tòa án xét xử theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 02-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành và Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 19-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Núi Thành; các đương sự không yêu cầu xem xét, thẩm định và định giá tài sản lại.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Để đảm bảo cho việc thi hành án bản án có hiệu lực pháp luật, căn hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đức Th được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và công nhận cho ông Nguyễn Đức Th, bà Huỳnh Thị X được quyền sở hữu 1.758 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 58.694m² (lô 14, 15) tại khu vực Hố Cây Sỏ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng Điều 164; Điều 165; khoản 2 Điều 168; khoản 1, khoản 2 Điều 169; Điều 233; Điều 255; Điều 256; Điều 501; Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L: Công nhận cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị A được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m² tại khu vực Hố Cây Sỏ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án “Hủy hợp đồng chuyển nhượng 10ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L lập vào ngày 17 tháng 01 năm 2005 và buộc ông Trần Văn L trả lại đất cho ông Nguyễn Đức Th tiếp tục sử dụng”.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Nguyễn Đức Th và bà Huỳnh Thị X được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m² tại khu vực Hố Cây Sỏ, thôn Thuận Tân, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Đức Th phải chịu 9.000.000 đồng (đã nộp).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn L và ông Nguyễn Đức Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức Th số tiền 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 29 tháng 4 năm 2016 theo biên lai thu số 0000855 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Ông Nguyễn Đức Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND huyện Núi Thành;
- CCTHADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Bộ phận HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Lộc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM:
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Lộc

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Nam;
- Tòa án nhân dân huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Lộc